TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐỨC PHỔ** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST Ngày: 15-6- 2020 V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Kha

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Duy Thị Anh Phương
2. Bà Trần Thị Hội

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tham gia phiên toà: Ông Trần Văn Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 183/2019/TLST- HNGĐ về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2020/QĐXX-ST ngày 27 tháng 4 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: anh Phan Thành G, sinh năm 1983
Địa chỉ: thôn P, xã P1, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.
Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2/ Bị đơn: chị Trần Thị Th, sinh năm 1984
Địa chỉ: thôn TĐ 1, phường T, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi
Nơi cư trú cuối cùng: thôn P, xã P1, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.
Vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai anh Phan Thanh G trình bày:

Anh Phan Thanh G và chị Trần Thị Th tự nguyện tìm hiểu và kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P1 vào ngày 21/4/2004. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, nên vợ chồng thường xuyên cải vã. Đến năm 2016 chị Th bỏ đi khỏi địa phương, không ai biết. Năm 2019 anh G làm đơn yêu cầu tuyên bố mất tích và được Tòa án nhân dân huyện Đức Phổ (nay là Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ) tuyên bố chị Th mất tích. Tại Quyết định số 02/2019/QĐST-DS, ngày 08/7/2019 Tòa án tuyên bố chị Trần Thị Th, sinh năm 1984 mất tích vào ngày 07/4/2016. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên anh G làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Trần Thị Th.

Về con chung: anh Phan Thanh G và chị Trần Thị Th có 02 con chung tên Phan Thị Mỹ Y, sinh ngày 07/4/2009 và Phan Tấn Đ, sinh ngày 04/9/2012. Hiện con chung đang sống với anh G. Khi ly hôn anh G yêu cầu nuôi con, không yêu cầu chị Th phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Trong quá trình giải quyết vụ án thì chị Trần Thị Th được Tòa án tống đạt thông báo và giấy triệu tập hợp lệ nhưng không có ý kiến về việc anh G yêu cầu ly hôn.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên theo quy định tại Điều 262 Bộ luật tố tụng dân sự:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật tố tụng; Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn anh Phan Thanh G có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn chị Trần Thị Th ở tổ dân phố TĐ 1, phường T, thị xã Đ Phổ, tỉnh Quảng Ngãi. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ.

Bị đơn chị Trần Thị Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn Phan Thành G có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ

Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng

[2.1] Về hôn nhân: anh Phan Thanh G và chị Trần Thị Th có đăng ký kết hôn vào năm 2004 tại Ủy ban nhân dân xã P1. Căn cứ vào Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa anh G và chị Th là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn thì chồng anh G, chị Th sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không cùng quan điểm sống. Từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, đến đầu năm 2016 chị Th bỏ đi khỏi đại phương cho đến nay không có tin tức. Năm 2019 Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ tuyên bố chị Trần Thị Th mất tích vào ngày 07/4/2016. Qua xác minh tại Hội liên hiệp phụ nữ xã P1 thì chị Th đã bỏ đi khởi địa phương từ năm 2016 đến nay không có tin tức gì. Vì vậy, căn cứ vào Điều 51; khoản 2, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của anh G, cho anh G được ly hôn chị Th.

[2.2] Về con chung: anh Phan Thanh G và chị Trần Thị Th có 02 con chung tên Phan Thị Mỹ Y, sinh ngày 07/4/2009 và Phan Tấn Đ, sinh ngày 04/9/2012. Hiện con chung đang sống với anh G. Hiện nay chị Th đã mất tích nên cần giao các con chung cho anh G nuôi dưỡng là phù hợp. Anh G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

[2.3]Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[2.4]Về nợ chung: Không có

[3] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án buộc anh Phan Thanh G phải chịu 300.000 đồng ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng anh G đã nộp tại biên lai số AA/2014/0002729 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Phổ (nay là Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ).

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; 227; 228; 271; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51; khoản 2 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Thành G

1. Về hôn nhân: Cho anh Phan Thanh G được ly hôn với chị Trần Thị Th

2. Về con chung: Giao các con chung tên Phan Thị Mỹ Y, sinh ngày 07/4/2009 và Phan Tấn Đ, sinh ngày 04/9/2012 cho anh Phan Thanh G trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh G không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên miễn xét.

Chị Trần Thị Th có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Buộc anh Phan Thành G phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Được khấu trừ 300.000 đồng anh G đã nộp tại biên lai số AA/2014/0002729 ngày 11 tháng 12 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đức Phổ (nay là Chi cục thi hành án dân sự thị xã Đức Phổ).

6. Về quyền kháng cáo: Anh Phan Thành G, chị Trần Thị Th có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi Cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)
Nguyễn Minh Kha